

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
1	Nhà máy nước Yên Phụ										
1.1	Bơm II	8/4/2025	0425.454/2619	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.29	0.007017	0	0	0.44
1.2	16 Nguyễn Khắc Nhu	8/4/2025	0425.454/2620	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.118	7.29	0.006542	0	0	0.29
1.3	72 Nguyễn Trường Tộ	8/4/2025	0425.454/2621	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.304	7.31	0.006635	0	0	0.27
1.4	55 Phạm Hồng Thái	8/4/2025	0425.454/2622	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.384	7.3	0.006742	0	0	0.28
1.5	15 Phan Huy Ích	8/4/2025	0425.454/2623	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.195	7.31	0.006788	0	0	0.2
1.6	25 Phan Huy Ích	8/4/2025	0425.454/2624	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.123	7.32	0.006951	0	0	0.31
1.7	18B Quán Thánh	8/4/2025	0425.454/2625	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.228	7.28	0.006697	0	0	0.41
1.8	18 Hàng Bún	8/4/2025	0425.454/2626	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.31	0.007154	0	0	0.3
2	Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên										
2.1	Bơm II	10/4/2025	0425.463/2672	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.133	7.29	< 0.0055	0	0	0.65
2.2	Tập thể A10 Văn Chương	10/4/2025	0425.463/2673	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.14	7.27	< 0.0055	0	0	0.4
2.3	D1/P110 Văn Chương	10/4/2025	0425.463/2674	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.195	7.51	< 0.0055	0	0	0.33
2.4	128A ngõ Văn Hương	10/4/2025	0425.463/2675	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.173	7.38	< 0.0055	0	0	0.33
2.5	22 ngõ 16 Linh Quang	10/4/2025	0425.463/2676	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.146	7.43	< 0.0055	0	0	0.28
2.6	156/88 Hồ Linh Quang	10/4/2025	0425.463/2677	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.145	7.4	< 0.0055	0	0	0.31

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
3	Nhà máy nước Mai Dịch										
3.1	Bơm II	3/4/2025	0425.437/2554	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.4	0.008012	0	0	0.5
3.2	280 Hồ Tùng Mậu	3/4/2025	0425.437/2555	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.4	0.007465	0	0	0.25
3.3	302 Hoàng Công Chất	3/4/2025	0425.437/2556	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.36	0.008006	0	0	0.3
3.4	Số 10/304/1 Hồ Tùng Mậu	3/4/2025	0425.437/2557	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.39	0.008116	0	0	0.28
3.5	Số 8/304/1 Hồ Tùng Mậu	3/4/2025	0425.437/2558	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.201	7.43	0.008711	0	0	0.3
3.6	Nguồn thành phố cấp Goldmark City	3/4/2025	0425.437/2559	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.175	7.49	0.008237	0	0	0.35
4	Nhà máy nước Cáo Đình										
4.1	Bơm II	10/4/2025	0425.469/2687	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.08	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.71
4.2	403 Xuân Đình	10/4/2025	0425.469/2688	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.47
4.3	15/495 Xuân Đình	10/4/2025	0425.469/2689	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.169	6.93	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.51
4.4	525 Xuân Đình	10/4/2025	0425.469/2690	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	6.94	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.44
4.5	540 Xuân Đình	10/4/2025	0425.469/2691	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	6.95	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.38
4.7	552 Xuân Đình	10/4/2025	0425.469/2692	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.42

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
5	Nhà máy nước Lương Yên										
5.1	Bơm II	1/4/2025	0425.422/2482	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCID ₅₀)	< 0.10	7.35	0.008031	0	0	0.61
5.2	12B Thọ Lão	1/4/2025	0425.422/2483	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.21	0.008507	0	0	0.35
5.3	135 Lò Đức	1/4/2025	0425.422/2484	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.03	0.007465	0	0	0.3
5.4	63 Lương Yên	1/4/2025	0425.422/2485	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.101	7.24	0.007304	0	0	0.4
5.5	38A Hàng Chuối	1/4/2025	0425.422/2486	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.28	0.008565	0	0	0.38
6	Nhà máy nước Nam Dư										
6.1	Bơm II	8/4/2025	0425.450/2601	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.36	0.007129	0	0	0.6
6.2	296 Lĩnh Nam	8/4/2025	0425.450/2602	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.28	0.008009	0	0	0.24
6.3	144 Tây Trà	8/4/2025	0425.450/2603	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.23	0.007584	0	0	0.23
6.4	259 Vĩnh Hưng	8/4/2025	0425.450/2604	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.28	0.007988	0	0	0.28
6.5	141 Nam Dư	8/4/2025	0425.450/2605	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.25	0.008017	0	0	0.25
6.6	133 Đông Thiên	8/4/2025	0425.450/2606	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.3	0.007683	0	0	0.21

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
7	Nhà máy nước Tương Mai										
7.1	Bơm II	14/04/2025	0425.478/2725	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.28	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.35
7.2	11 Nguyễn Đức Cảnh	14/04/2025	0425.478/2726	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.26	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.23
7.3	134 Nguyễn An Ninh	14/04/2025	0425.478/2727	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.23	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.21
7.4	93 Nguyễn Đức Cảnh	14/04/2025	0425.478/2728	Không có mùi, vị lạ	< 5	< 0.10	7.23	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.27
8	Nhà máy nước Hạ Đình										
8.1	Bơm II	10/4/2025	0425.463/2668	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.234	7.34	0.006413	0	0	0.42
8.2	47 Vĩnh Hồ	10/4/2025	0425.463/2669	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.267	7.3	0.007779	0	0	0.37
8.3	54A8 Vĩnh Hồ	10/4/2025	0425.463/2670	Không có mùi, vị lạ	< 5	0.247	7.25	0.007638	0	0	0.33
9	Nhà máy nước Gia Lâm										
9.1	Bơm II	9/4/2025	0425.460/2652	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.331	7.62	0.005531	0	0	0.45
9.2	87 Sài Đồng	9/4/2025	0425.460/2654	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.301	7.63	0.006752	0	0	0.31
9.3	Số 27 Tân Thụy	9/4/2025	0425.460/2655	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.321	7.74	0.006893	0	0	0.28
9.4	Số 124 Nguyễn Lam	9/4/2025	0425.460/2656	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.443	7.7	0.006415	0	0	0.3
9.5	47 Chu Huy Mân	9/4/2025	0425.460/2657	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.459	7.73	0.006337	0	0	0.32
9.6	Số 56 ngõ 28 Chu Huy Mân	9/4/2025	0425.460/2658	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.483	7.74	0.006441	0	0	0.29

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
10	Nhà máy nước Bắc Thăng Long										
10.1	Bơm II	1/4/2025	0425.419/2462	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.47	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.6
10.2	135 Xóm Bắc, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2464	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.82	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.25
10.3	Số 5 Xóm Chùa, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2465	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.7	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.23
10.4	24 xóm Chùa, thôn Đoài, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2466	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.78	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.25
10.5	Nhà văn hóa Thọ Đa, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2467	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.5	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.21
10.6	89 Thọ Đa, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2468	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.44	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.27
10.7	125 Thọ Đa, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2469	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.71	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.31
10.8	Ngã 3 Thọ Đa, Kim Nỗ	1/4/2025	0425.419/2470	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.16	7.63	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.3
10.9	Anh Hiếu Đại Đồng, Đông Anh	1/4/2025	0425.419/2471	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.75	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.33
10.1	Ông Niêm Đại Đồng, Đông Anh	1/4/2025	0425.419/2472	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.81	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.28
10.11	Anh Phong Đại Đồng, Đông Anh	1/4/2025	0425.419/2473	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.76	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.34
10.12	Chú Lực Đại Đồng, Đông Anh	1/4/2025	0425.419/2474	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.71	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.33

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 04/2025)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày	Mã mẫu	Mùi vị	Màu sắc TCU	Độ đục NTU	pH	Hàm lượng Asen mg/L	Vi sinh		Clo dư mg/l
									Coliform CFU/100ml	E. coli CFU/100ml	
QCVN 01-1:2018/BYT				Không có mùi vị lạ	15	2	6.0-8.5	0.01	<3	<1	0.2-1.0
11	Nhà máy nước Pháp Vân										
11.1	Bơm II	14/04/2025	0425.478/2719	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.111	7.4	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.7
11.2	52 Bùi Huy Bích	14/04/2025	0425.478/2720	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.39	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.42
11.3	25 Bùi Huy Bích	14/04/2025	0425.478/2721	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.44	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.4
11.4	69/35 Bùi Huy Bích	14/04/2025	0425.478/2722	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.43	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.38
11.5	1395/2 Bùi Huy Bích	14/04/2025	0425.478/2723	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	< 0.10	7.41	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.4
12	Nhà máy nước Ngọc Hà										
12.1	Bơm II	3/4/2025	0425.434/2530	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.375	8.06	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.32
12.2	38 Linh Lang	3/4/2025	0425.434/2531	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.262	7.65	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.26
12.3	68 Linh Lang	3/4/2025	0425.434/2532	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.262	8.02	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.23
12.4	12 ngõ 12 Đào Tấn	3/4/2025	0425.434/2533	Không có mùi, vị lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.207	8.15	KPH (LOD = 0.003)	0	0	0.29